

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 81/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23 – 6 – 2022
V/v Ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Em.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Công Điện.
2. Ông Nguyễn Văn Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Chi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2022/TLST – HNGĐ, ngày 14 tháng 02 năm 2022, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST - HNGĐ, ngày 17 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1976.

Địa chỉ: tổ S, ấp A, xã X, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh T có tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không còn hợp nhau, anh T không lo làm ăn, mê cờ bạc, chị khuyên ngăn thì anh T hành hung chị, từ đó cuộc sống không còn hạnh phúc. Chị và anh T đã không còn sống chung từ năm 2019 đến nay. Chị nhận thấy không còn tình cảm với anh T nữa nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T đều vắng mặt nên chưa thể hiện ý kiến.

Tại phiên tòa, chị B, anh T đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Toà xác định quan hệ pháp luật tranh chấp phải giải quyết trong vụ án là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết*: bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Văn T có địa chỉ cư trú tại huyện P, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ quy định tại các điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang.

[3] *Về xét xử trong trường hợp có đương sự vắng mặt tại phiên tòa*: chị Nguyễn Thị B là nguyên đơn trong vụ án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] *Về quan hệ hôn nhân*: chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn T tiến đến hôn nhân vào năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị được công nhận hợp pháp. Quá trình chung sống, chị B và anh T phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, vợ chồng không còn quan tâm, chia sẻ nhau trong cuộc sống. Toà xét thấy: Hôn nhân của anh chị dù được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nhưng quá trình chung sống không hạnh phúc. Khi có mâu thuẫn anh chị không tìm cách khắc phục, hàn gắn mà sống ly thân nhau. Chị B yêu cầu ly hôn, anh T chưa thể hiện ý kiến nhưng anh bỏ mặc không đến Tòa giải quyết việc ly hôn, điều đó chứng tỏ tình cảm của anh chị đối với nhau cũng không còn, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh chị đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Toà chấp nhận yêu cầu của chị B, cho chị B được ly hôn với anh T.

[5] *Về con chung*: không có nên không xem xét.

[6] *Về tài sản chung và nợ chung*: các đương sự không ai có yêu cầu giải quyết nên Tòa chưa xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết thành một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[7] *Về án phí*: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo mức không có giá ngạch theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về án phí: buộc chị Nguyễn Thị B chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007750 ngày 11/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P thành án phí.

3. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã S, huyện V, Đồng Nai.
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Em